TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/DS-PT
Ngày: 15 - 01 - 2018
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng
Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Vắng mặt.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2017/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 344/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Huỳnh Quốc – Văn phòng Luật sư Huỳnh Quốc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (*Có mặt*)

- *Bị đơn*: Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

2. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1951; Địa chỉ: Khóm 4, phường 8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

3. Bà Phạm Kim A, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp TĐ, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt, ủy quyền cho bà N).

4. Bà Thái Kim A, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

5. Bà Phạm Thị T; Địa chỉ: Ấp TĐ, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

6. Bà Phạm Thị D; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị D là: Chị Hồ Thị Hận; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt); Anh Hồ Thanh Hoàng; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt); Anh Lê Phúc Trung; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt);

7. Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

8. Anh Phạm Văn C; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

9. Anh Phạm Chí T; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

10. Anh Phạm Minh D; phường 8, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

11. Anh Phạm Minh Đ; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

12. Chị Phạm Bích N; Địa chỉ: Ấp KL, xã ĐT, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

13. Chị Phạm Thúy A; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt);

14. Anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Có mặt);

15. Chị Phạm Thúy N; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

16. Chị Phạm Thanh T; Địa chỉ: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

17. Chị Phạm Thanh P; Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

18. Anh Phạm Ngọc T; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

19. Bà Hà Thị L; Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị L là: Bà Phạm Thị N, ông Phạm Thanh B, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị X, bà Phạm Kim A, bà Phạm Thị T, chị Hồ Thị Hận, anh Hồ Thanh Hoàng, anh Lê Phúc Trung, anh Phạm Văn C, anh Phạm Chí T, anh Phạm Minh D, anh Phạm Minh Đ, chị Phạm Bích N, chị Phạm Thanh T, chị Phạm Thanh P, anh Phạm Ngọc T.

20. Ủy ban nhân dân huyện ĐD; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị N – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2011 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Bà Phạm Thị N trình bày: Cha mẹ bà là ông Phạm Văn Sanh (chết năm 2009) và bà Hà Thị L (chết ngày 15/02/2017) có tất cả 10 người con gồm: Phạm Thị D (chết), Phạm Văn C (chết), Phạm Kim A, Phạm Thị X, Phạm Minh Đức (chết), Phạm Văn H, Phạm Thị T, Phạm Thanh T (chết), Phạm Thanh B và bà là Phạm Thị Nguyệt. Khi còn sống ông Sanh và bà L khai phá được một phần đất với tổng diện tích khoảng 100.000m^2. Đến năm 1990 ông Sanh

tự phân chia diện tích đất này cho các con mà không được sự thống nhất của bà L gồm: Bà D, ông C, bà Kim A, bà X, ông H, bà T, anh T, anh B. Diện tích đất còn lại được chia thành hai phần, bà L đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 22.870m^2, ông Sanh đứng tên quyền sử dụng diện tích đất theo thẩm định thực tế là 42.850m^2. Đến năm 2009 ông Sanh chết không để lại di chúc, toàn bộ diện tích đất 42.850m^2 ông B và vợ con quản lý, sử dụng cho đến nay. Nay bà yêu cầu phân chia thừa kế đối với di sản là diện tích đất 42.850m^2 do ông Sanh chết để lại cho bà được hưởng theo quy định của pháp luật sau khi trừ diện tích đất hai phần mộ của ông Sanh và bà L là 100m^2.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Thanh B trình bày: Năm 1985 ông Sanh có cho ông diện tích đất 6.540m^2 ở Vườn Trầu thuộc ấp Tân Long C, xã Tân Tiến và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc này ông H ở chung với cha mẹ và sản xuất diện tích đất 42.850m^2. Đến năm 1995 ông Sanh và bà L kêu ông về cho diện tích đất 42.850m^2, trong phần đất này có 05 công đất của bà Phạm Thị X được ông Sanh cho, bà X đã chuyển nhượng lại cho ông, còn diện tích đất ở Vườn Trầu thì cho lại cho ông H. Năm 2009 ông Sanh chết có để lại di chúc là cho ông diện tích đất 30.930m^2, cộng với diện tích đất ông nhận chuyển nhượng của chị ruột Phạm Kim A 6.480m^2, cùng với diện tích đo đạc thực tế lớn hơn nữa nên ông quản lý 42.850m^2 từ năm 1995 đến nay nên không đồng ý phân chia theo yêu cầu của bà N.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thái Kim A và anh Phạm Hoàng L thống nhất trình bày: Diện tích đất bà N yêu cầu phân chia ông Sanh đã cho vợ chồng bà và các con nên không đồng ý phân chia.

Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2012 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị L trình bày: Bà và ông Phạm Văn Sanh khai phá được một phần đất với tổng diện tích khoảng 100.000m^2, tọa lạc tại ấp Tân Long A, xã Tân Tiến, huyện ĐD. Đến năm 1990 ông Sanh tự phân chia diện tích đất này cho các con như bà N khai, nhưng không được sự thống nhất của bà. Diện tích đất còn lại được chia thành hai phần, bà đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 22.870m^2, diện tích đất còn lại do ông Sanh đứng tên quyền sử dụng. Đến năm 2009 ông Sanh chết không có để lại di chúc, toàn bộ diện tích đất 42.850m^2 ông B quản lý, sử dụng cho đến nay. Nay bà yêu cầu phân chia thừa kế đối với di sản là diện tích đất 42.850m^2 do ông Sanh chết để lại cho bà được hưởng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D trình bày: Cha mẹ bà đã cho riêng bà một phần đất nên bà không yêu cầu phân chia di sản thừa kế do ông Sanh chết để lại.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Hận trình bày: Khoảng năm 1985 ông ngoại chị là ông Phạm Văn Sanh có cho chị diện tích đất 4.640m^2. Năm 1991 đã chuyển quyền sử dụng cho chị đứng tên. Chị sử dụng đến năm 2008 thì ông Sanh lấy lại để đổi cho bà Phạm Thị X và giao diện tích đất 2,5 công lẽ tám tầm cho chị sử dụng cho đến nay nên chị không yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với di sản thừa kế do ông Sanh chết để lại.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Thanh Hoàng và anh Lê Phúc Trung thống nhất trình bày: Bà Phạm Thị D đã được ông Phạm Văn Sanh cho 01 phần đất nên Bà D không yêu cầu phân chia di sản thừa kế do ông Sanh chết để lại. Nay Bà D đã chết, các anh cũng không yêu cầu phân chia di sản thừa kế.

Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2012 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kim A trình bày: Cha bà là ông Phạm Văn Sanh chết không để lại di chúc. Ông B tạm thời quản lý diện tích đất cha bà để lại, trong diện tích đất này có 07 công đất cha bà đã cho bà nhưng bà gửi lại cho ông B phụng dưỡng cha mẹ. Nay bà yêu cầu phân chia thừa kế đối với di sản là diện tích đất 42.850m^2 do ông Sanh chết để lại cho bà được hưởng theo quy định của pháp luật sau khi trừ diện tích đất hai phần mộ của ông Sanh và bà L là 100m^2.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X trình bày: Ông Phạm Thanh B chỉ tạm thời quản lý diện tích đất cha bà để lại, bà đã được ông Sanh cho đất nên bà không yêu cầu phân chia.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày: Ông Sanh có cho bà diện tích đất 07 công, bà canh tác được 03 năm thì trả lại cho ông Sanh. Diện tích đất ông Phạm Thanh B đang quản lý, sử dụng là do ông Sanh cho. Bà không yêu cầu phân chia di sản thừa kế trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H trình bày: Trước đây ông canh tác diện tích đất 42.850m^2, còn ông B canh tác diện tích đất ở Vườn Trầu. Năm 1994 ông Sanh kêu ông đổi đất với ông B để ông B về canh tác diện tích đất 42.850m^2 và sau đó cha ông đã cho ông Phạm Thanh B diện tích đất này. Ông đã được ông Sanh cho đất nên ông không yêu cầu phân chia.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn C, anh Phạm Minh Đ, anh Phạm Chí T, anh Phạm Minh D, chị Phạm Bích N thống nhất trình bày: Khoảng năm 1990 ông Phạm Văn Sanh có cho ông Phạm Văn C và anh Hồ Thanh Hoàng mỗi người 05 công đất, ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1994 ông C và anh Hoàng chuyển nhượng 10 công đất này cho ông Dũng nên không yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với di sản thừa kế do ông Sanh chết để lại.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thanh T và chị Phạm Thanh P thống nhất trình bày: Không yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với di sản thừa kế do ông Sanh chết để lại.

Quá trình giải quyết vụ án Ủy ban nhân dân huyện ĐD xác định: Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị X, ông Phạm Văn C và bà Hồ Thị Hận đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD đã quyết định:

Căn cứ b, c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 627, 630, 631, 633, 213, 218 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày

27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về các loại án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L. Buộc ông Phạm Thanh B cùng vợ là bà bà Thái Kim A và các con là chị Phạm Thúy A, anh Phạm Hoàng L, chị Phạm Thúy N giao lại diện tích đất 18.135m^2 tọa lạc ấp Tân Long A, xã Tân Tiến, huyện ĐD để phân chia cho bà Hà Thị L, có tứ cận:

+ Hướng Đông (M6M7M8A2) dài 216,8m giáp đất ông Diệp Thanh Dũng;

+ Hướng Tây (M5A1) dài 22,6m giáp đất ông Lê Công Lệ;

+ Hướng Nam (A1A2) dài 131,4m tiếp giáp phần đất liền kề còn lại của ông Phạm Thanh B;

+ Hướng Bắc (M5M6) dài 227m tiếp giáp đất ông Lê Văn Nhân.

Giao cho ông Phạm Thanh B tiếp tục quản lý diện tích đất 18.135m^2 phân chia cho bà Hà Thị L.

Những người thừa kế hợp pháp của bà Hà Thị L có quyền khởi kiện để chia thừa kế đối với diện tích đất này theo quy định của pháp luật, trong trường hợp không thỏa thuận phân chia được với nhau.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện ĐD).

2. Bác yêu cầu của Bà Phạm Thị N và bà Phạm Kim A về việc yêu cầu ông Phạm Thanh B phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 42.850m^2 do ông Phạm Văn Sanh chết để lại.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định, đinh giá, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/10/2017, Bà Phạm Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng hủy bỏ di chúc lập ngày 29/10/2009, đồng thời chia thừa kế của cụ Phạm Văn Sanh theo pháp luật cho 04 người gồm bà Hà Thị L, bà Phạm Kim A, Phạm Thị Nguyệt và ông Phạm Thanh B và chia di sản thừa kế của cụ Hà Thị L cho 04 người gồm bà Phạm Thị X, bà Phạm Kim A, Phạm Thị Nguyệt, ông Phạm Thanh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn trình bày cho rằng bản án sơ thẩm có nhiều sai phạm cụ thể như: Án sơ thẩm tuyên bà L phải chịu án phí sơ thẩm nhưng bà đã chết trước khi xét xử nên không thể thi hành án được; Án sơ thẩm không buộc ông B chịu án phí sơ thẩm là không đúng; Án sơ thẩm chưa xem xét lúc ông Sanh lập di chúc là còn minh mẫn hay không, có bị dụ dỗ, ép buộc hay không vì khi đó ông Sanh đã 85 tuổi. Ngoài ra, trong di chúc còn có chữ ký của bà L nhưng bà L lại không biết chữ và không biết ký tên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chỉ căn cứ vào kết quả giám định chữ ký của ông Sanh; Toà án cấp sơ thẩm tách vụ án nhưng lại không áp dụng Điều 42 Bộ luật tố tụng dân sự về việc nhập và tách vụ án phải thông báo cho đương sự biết; Về nội dung di chúc chỉ nêu là giao cho ông B "giữ 30 công đất" chứ không phải là giao cho ông B quản lý sử dụng. Từ những nội dung trên, bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ án sơ thẩm giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều xác định ông Sanh và bà L có phần đất khoảng 100.000m^2. Đến năm 1990 ông Sanh đã phân chia một phần diện tích đất cho Bà D, ông C, bà Kim A, bà X, ông H, bà T, anh T, anh B và diện tích đất còn lại được chia thành hai phần, bà L đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 22.870m^2, ông Sanh đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 45.850m^2 nhưng theo thẩm định thực tế là 42.850m^2. Nay bà Bình cho rằng ông Phạm Văn Sanh chết vào năm 2009 không để lại di chúc nên không thống nhất án sơ thẩm chấp nhận nhận một phần di chúc nên có kháng cáo đề nghị hủy bỏ di chúc lập ngày 29/10/2009, đồng thời chia thừa kế của cụ Phạm Văn Sanh theo pháp luật cho 04 người gồm bà Hà Thị L, bà Phạm Kim A, Phạm Thị Nguyệt, ông Phạm Thanh B và chia di sản thừa kế của cụ Hà Thị L cho 04 người gồm bà Phạm Thị X, bà Phạm Kim A, Phạm Thị Nguyệt và ông Phạm Thanh B. Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Tại phiên tòa, bà N và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà N cho rằng ngày 29/10/2009 ông Sanh đã 85 tuổi nên không còn minh mẫn, vì vậy di chúc ông Sanh đã viết là không đúng. Tuy nhiên, phía bà N cũng không chứng minh được ông Sanh không còn minh mẫn hay bị dụ dỗ, ép buộc. Trong khi đó, tờ di chúc của ông Sanh gồm 03 trang là do chính ông Sanh đã tự viết toàn bộ với nội dung phân chia đất cụ thể cho từng người con. Tại bản kết luận giám định số: 10-GĐ-2015 ngày 30/01/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận "Chữ ký, phía dưới chữ ký có họ tên ***phạm văn sanh***, ký dưới cụm từ: "**người làm đơn**" trên "**tờ di chúc**" ngày 29/10/2009 dl đứng tên ***Phạm Văn Sanh*** (Ký hiệu A) với chữ ký, phía dưới chữ ký có họ tên ***phạm v. Sanh*** **(*phạm văn sanh*)**, ký dưới các cụm từ: "**Người khai ký**"; "**NGƯỜI LÀM KÝ ĐƠN**"; "**Đại diện hộ gia đình**"; "**người làm đơn**" trên các tài liệu: 03 (ba) "**TỜ KHAI CÁ NHÂN**" xác nhận cùng ngày 27/8/2003 cùng mang tên ***Phạm Văn Sanh***; 02 (hai) "**SƠ YẾU LÝ LỊCH**" cùng ngày 14/5/2003 cùng mang tên ***Phạm Văn Sanh***; "**BẢN CAM KẾT Chấp hành pháp luật năm 2009-2010**" ngày 26/10/2009; Miếng giấy tập học sinh có nội dung: "***là bình cho nó … tôi rất cám ơn***" ngày 29/8/2009 dl (Ký hiệu từ **M1** đến **M4) là do cùng một người ký ra**". Do đó, án sơ thẩm nhận định về hình thức, nội dung di chúc đã đáp ứng theo quy định tại các điều 627, 630, 631, 633 Bộ luật dân sự và di chúc được lập đúng ý chí, nguyện vọng của ông Sanh. Án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu của bà N là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Án sơ thẩm nhận định phần đất hiện đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng nhưng ông Sanh tự lập di chúc và quyết định tặng cho toàn bộ tài sản là tài sản chung hợp nhất của ông với bà L là vượt quá quyền tự định đoạt đối với khối tài sản này, ông Sanh chỉ có thể định đoạt một nửa phần tài sản của mình, chứ không được định đoạt luôn phần tài sản của bà L. Do vậy, việc bà L khởi kiện anh B để phân chia di sản thừa kế được Tòa án sơ thẩm chấp nhận chia ½ sau khi đối trừ phần đất của ông Sanh cho bà Phạm Thị X 6.480m^2 và đối trừ 100m^2 phần đất khu mộ của ông Sanh, bà L. Ông Sanh chỉ định đoạt tặng cho ông B một nửa diện tích bằng 18.135m^2, phần còn lại chia cho bà L có diện tích là 18.135m^2. Nhận định này của án sơ thẩm là chưa chính xác, bởi lẽ, các đương sự điều thừa nhận phần đất

ông Sanh, bà L có tổng cộng khoản 100.000 m^2 và việc phân chia đất của ông Sanh đã diễn ra từ năm 1990 và tất cả mọi người đều biết rõ việc phân chia, không ai phản đối, hiện nay phần đất của các con và phần đất bà L đã được phân chia và đứng tên quản lý ổn định thì không thể nhận định cho rằng việc phân chia đất của ông Sanh là sai và không thể cho rằng phần đất còn lại 42.850m^2 là tài sản chung của ông Sanh, bà L. Tuy nhiên, sau khi án sơ thẩm xử tuyên buộc ông Phạm Thanh B cùng vợ là bà Thái Kim A và các con là chị Phạm Thúy A, anh Phạm Hoàng L, chị Phạm Thúy N giao lại diện tích đất 18.135m^2 tọa lạc ấp Tân Long A, xã Tân Tiến, huyện ĐD để phân chia cho bà Hà Thị L thì ông Bình, bà Thái Kim A và các con của ông Bình, bà Kim A là chị Phạm Thúy A, anh Phạm Hoàng L, chị Phạm Thúy N đã thống nhất không kháng cáo và tại phiên tòa ông B xác định vẫn thống nhất không có tranh chấp nên Hội đồng phúc thẩm không đặt ra để giải quyết.

[3] Ngoài ra, bà N còn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia di sản thừa kế của cụ Hà Thị L cho 04 người gồm bà Phạm Thị X, bà Phạm Kim A, Phạm Thị Nguyệt và ông Phạm Thanh B nhưng tại phiên tòa chính bà N cũng thừa nhận bà chưa có đơn khởi kiện và đóng án phí theo quy định nên án sơ thẩm chưa giải quyết. Do đó, án sơ thẩm nhận định "…tiếp tục tạm giao diện tích đất mà bà L được phân chia 18.135m^2 cho ông Phạm Thanh B quản lý. Trường hợp các đồng thừa kế của bà L có tranh chấp đối với phần di sản này thì có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác" là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật nên tại phiên tòa phúc thẩm luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N cho rằng Tòa sơ thẩm đã vi phạm tố tụng đề nghị hủy án sơ thẩm trong trường hợp này là không có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N còn cho rằng án sơ thẩm đã có sai sót khi tuyên buộc bà L phải chịu án phí sơ thẩm trong khi bà L đã chết và không tuyên buộc ông B phải chịu án phí đối với phần đất mà ông được nhận. Qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng án sơ thẩm tuyên buộc ông Phạm Thanh B cùng vợ và các con của ông B giao diện tích đất 18.135m^2 để phân chia cho bà Hà Thị L nhưng lại không tuyên ông B được quyền quản lý sử dụng diện tích 24.715m^2 đất còn lại, đồng thời không tính án phí có giá ngạch đối với ông B trên phần di sản ông được nhận là có sai sót. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng tại bản án sơ thẩm cũng đã nhận định rõ giao phần đất còn lại cho ông B quản lý, sử dụng và tại phiên tòa phúc thẩm ông B xác định ông tự nguyện chịu án sơ thẩm có giá ngạch trên phần đất ông được nhận là 24.715m^2 với giá đất theo định giá là 20.000đ/m^2, tổng số tiền án phí là 23.772.000 đồng. Do đó, chỉ cần sửa án sơ thẩm, chấp nhận sự tự nguyện của ông B là phù hợp. Đối với quyết định của án sơ thẩm tuyên buộc bà Hà Thị L phải chịu là 18.135.000 đồng, sau khi đối trừ số tiền đã nộp 3.000.000 đồng còn phải nộp tiếp 15.135.000 đồng. Xét thấy, mặc dù bà L đã chết nhưng án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L nên bà được chia phần đất có diện tích là 18.135m^2 nên sau này nếu người nào được nhận thừa kế phần đất này của bà L thì phải có nghĩa vụ chịu án phí thay cho bà L vẫn không sai.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là phù hợp nên kháng cáo của bà N không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Phạm Thị N.

Sửa bản án sơ thẩm số 71/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L. Buộc ông Phạm Thanh B cùng vợ là bà Thái Kim A và các con là chị Phạm Thúy A, anh Phạm Hoàng L, chị Phạm Thúy N giao lại diện tích đất 18.135m^2 tọa lạc ấp Tân Long A, xã Tân Tiến, huyện ĐD để phân chia cho bà Hà Thị L, có tứ cận:

+ Hướng Đông (M6M7M8A2) dài 216,8m giáp đất ông Diệp Thanh Dũng;

+ Hướng Tây (M5A1) dài 22,6m giáp đất ông Lê Công Lệ;

+ Hướng Nam (A1A2) dài 131,4m tiếp giáp phần đất liền kề còn lại của ông Phạm Thanh B;

+ Hướng Bắc (M5M6) dài 227m tiếp giáp đất ông Lê Văn Nhân.

Giao cho ông Phạm Thanh B tiếp tục quản lý diện tích đất 18.135m^2 phân chia cho bà Hà Thị L.

Những người thừa kế hợp pháp của bà Hà Thị L có quyền khởi kiện để chia thừa kế đối với diện tích đất này theo quy định của pháp luật, trong trường hợp không thỏa thuận phân chia được với nhau.

Ông Phạm Thanh B được quyền quản lý sử dụng diện tích đất còn lại là 24.715m^2 và được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện ĐD).

Bác yêu cầu của Bà Phạm Thị N và bà Phạm Kim A về việc yêu cầu ông Phạm Thanh B phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 42.850m^2 do ông Phạm Văn Sanh chết để lại.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hà Thị L phải chịu là 18.135.000 đồng. Bà Hà Thị L đã nộp 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 000704 ngày 07/8/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD, bà L còn phải nộp 15.135.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Do bà L đã chết nên sau này người nào nhận di sản của bà L là phần đất này thì phải có nghĩa vụ nộp thay cho bà.

- Ông Phạm Thanh B phải chịu là 23.772.000 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà N đã nộp 200.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 000403 ngày 03/11/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD, được trả lại.

- Bà Phạm Kim A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Kim A đã nộp 4.375.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 000703 ngày 07/8/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD, được trả lại.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Phạm Thị Nguyệt phải nộp 300.000 đồng. Ngày 12/10/2017, bà N đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0009157 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục THADS huyện ĐD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Trúc